

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Đình

2. Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số 110/8, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh L (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu C, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số 169/6, ấp 6, xã H, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Hữu C được tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh L vào ngày 12/12/2012.

Bà và ông C chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C hay cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Huỳnh Hữu C.

Về nuôi con chung: Bà và ông C có một người con chung tên là Huỳnh Hữu Th, sinh ngày 31/5/2013, hiện nay con chung do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Huỳnh Hữu C là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông C vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Ánh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hữu C, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Hữu C cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Huỳnh Hữu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh T và ông Huỳnh Hữu C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh L theo giấy đăng ký kết hôn số 111/2012 vào ngày 12/12/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai trình của bà T, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C hay cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, thể hiện việc ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tt.

[3] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Ánh T và ông Huỳnh Hữu C có một con chung tên là Huỳnh Hữu Th, sinh ngày 31/5/2013.

Xét thấy, hiện tại con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao con chung tên Huỳnh Hữu Th cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T cam kết không có nợ chung, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Ánh T và ông Huỳnh Hữu C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hữu Th, sinh ngày 31/5/2013 cho bà Lê Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Hữu C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007683 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy